

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 65C/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 -5-2024

(V/v: Tranh chấp yêu cầu chia tài sản sau ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tấn

2. Bà Đồng Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: bà Lại Thị Hiền- kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn ” thụ lý số: 543/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thành V - sinh năm 1980

Địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: anh Trịnh Xuân C - sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An

(các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thành V trình bày: chị và anh Trịnh Xuân C trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo quyết định số 107/QĐ ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn đã giải quyết việc ly hôn và phân chia con chung nhưng chưa phân chia tài sản chung vợ

chồng, nay chị Nguyễn Thị Thành V yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tài sản chung gồm có: thửa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010 mang tên Trịnh Xuân C và Nguyễn Thị Thành V. Ngôi nhà hai tầng, tầng 1 xây dựng năm 2007, tầng 2 xây dựng năm 2018. Thời điểm năm 2018 sửa chữa nhà tầng 1 và xây lên tầng hai, làm chống nóng chị có gửi về 280 triệu đến 300 triệu chị không nhớ con số cụ thể, tuy nhiên tài liệu chứng từ gửi tiền về chị không xuất trình được vì đã lâu và nhờ qua dịch vụ chuyển tiền nước ngoài. Nguyên vọng của chị Nguyễn Thị Thành V là nếu chia tài sản chung vợ chồng chị muốn được nhận tiền trích chia chênh lệch tài sản, giao nhà và đất tại xóm C xã B cho anh Trịnh Xuân C vì hiện tại chị và các con đã có nhà và đang ở ổn định ở chỗ khác cũng thuộc xã B, còn anh C chưa có chỗ ở khác, từ sau khi vợ chồng ly hôn anh C ở tại nhà và đất là tài sản chung vợ chồng mà hiện tại chị đang yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn anh Trịnh Xuân C, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh trình bày: anh thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất như chị Nguyễn Thị Thành V trình bày, tuy nhiên năm 2016 vợ chồng ly hôn đã thỏa thuận con chung anh nuôi cả 3 cháu, phần tài sản thì gồm nhà đất ở anh nuôi con thì tài sản thuộc về anh kể từ năm 2016 đến nay, việc thỏa thuận bằng miệng với nhau, hiện nay chị V yêu cầu chia tài sản anh không đồng ý vì tài sản đó sau này để lại cho con. Về ý kiến chị V là năm 2018 gửi về 280 triệu -300 triệu sửa nhà và chống nóng là không đúng, chị chỉ gửi về 70 triệu -80 triệu, anh không cung cấp được giấy tờ về việc chị gửi tiền về sửa nhà và làm tầng 2. Chị V yêu cầu chia tài sản chung anh không đồng ý, nhà chung phần của anh anh ở, còn chị V muốn ở chị V cứ về ở phần chị V. Sau này để lại cho các con.

Ngày 10 tháng 1 năm 2024 hội đồng định giá tài sản định giá tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thành V và anh Trịnh Xuân C

Về đất: thửa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010 mang tên Trịnh Xuân C và Nguyễn Thị Thành V có giá trị 2.625.000.000 đồng (hai tỉ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)

Tài sản trên đất: ngôi nhà hai tầng có giá trị 416.360.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng giá trị nhà và đất 3.041.360.000 đồng (ba tỉ không trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn

đồng)

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án: - Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. - Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. - Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 33, khoản 2 điều 59, điểm a khoản 2 điều 62: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thành V. Chia đôi khối tài sản chung cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản. Xét hoàn cảnh cụ thể và nơi ở hiện tại của hai bên. Giao cho anh Trịnh Xuân C sử dụng sở hữu thừa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² và căn nhà trên đất tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010 mang tên Trịnh Xuân C và Nguyễn Thị Thành V. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.041.360.000 đồng. Anh Trịnh Xuân C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thành V $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Về chi phí thẩm định giá tài sản: giải quyết theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Thành V và anh Trịnh Xuân C phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Xuân C hiện có nơi cư trú tại xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2. Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu của các đương sự đối với tài sản chung thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tài sản chung là thừa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện

tích 175 m² và căn nhà trên đất tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010 mang tên Trịnh Xuân C và Nguyễn Thị Thành V. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.041.360.000 đồng (ba tỉ không trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Hội đồng xét xử thấy rằng: thửa đất và tầng 1 ngôi nhà là hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do vợ chồng có công sức đóng góp tạo lập vào việc hình thành khối tài sản chung này ngang nhau nên hai bên được hưởng ngang nhau. Còn đối với việc sửa chữa tầng 1 và xây dựng tầng 2 của ngôi nhà năm 2018 sau thời điểm vợ chồng ly hôn, về nguyên tắc tính kỹ phần dựa trên đóng góp của hai bên, chị V khai nhận gửi về 280-300 triệu, anh C khai chị V chỉ gửi 70-80 triệu, tuy nhiên cả hai bên đều không xuất trình được các tài liệu chứng cứ về việc gửi tiền và nhận tiền, do đó hội đồng xét xử tính công sức đóng góp ngang nhau đối với ngôi nhà là tài sản trên đất. Đối với ý kiến anh C về việc tài sản này đã thỏa thuận thuộc về anh và anh muốn sau này để lại cho con nhưng anh không xuất trình được các chứng cứ tài liệu về việc phân chia tài sản chung vợ chồng, tại quyết định công nhận ly hôn cũng chưa giải quyết về tài sản do đó không có cơ sở chấp nhận. Như vậy đối với cả thửa đất và ngôi nhà cả hai đều có đóng góp ngang nhau và được hưởng ngang nhau. Cụ thể: anh Trịnh Xuân C và chị Nguyễn Thị Thành V mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương ứng số tiền 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)

2.2. Xét yêu cầu chia tài sản chung bằng tiền trích chia chênh lệch của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thành V: Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét trên thửa đất đã hình thành ngôi nhà hai tầng do đó không thể chia thửa đất và căn nhà nêu trên bằng hiện vật cho cả hai bên được. Nếu chia bằng hiện vật thì sẽ ảnh hưởng đến công năng và kết cấu xây dựng ngôi nhà. Thực tế anh Trịnh Xuân C đang sinh sống ổn định trên thửa đất và tài sản trên đất từ năm 2016 đến nay, và là nơi ở duy nhất của anh Trịnh Xuân C, hiện tại chị Nguyễn Thị Thành V đã có chỗ ở ổn định nơi khác và chị cũng có nguyện vọng nhận bằng tiền trích chia chênh lệch. Do đó cần giao cho anh Trịnh Xuân C được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu các tài sản trên đất tại xóm C xã B và anh C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch 50% giá trị tài sản tương ứng số tiền 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị Thành V là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau: * Giao anh Trịnh Xuân C được toàn quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: - thửa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² và căn nhà trên đất tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010 mang tên Trịnh Xuân C và Nguyễn Thị Thành V. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 3.041.360.000 đồng.

* Anh Trịnh Xuân C có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Thành V là: 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Nguyễn Thị Thành V tự nguyện nộp nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQ!6 U UBTVQH16 về về án phí và lệ phí buộc các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 28; 29; 33; 59; 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thành V.

Công nhận tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thành V và anh Trịnh Xuân C gồm có: Về đất: Thửa đất thửa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010, có giá trị là: 2.625.000.000 đồng (hai tỉ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tài sản trên đất: 01 Ngôi nhà hai tầng: 416.360.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 3.041.360.000 đồng(ba tỉ không trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Về phân chia tài sản chung: * Phân chia cho chị Nguyễn Thị Thành V và anh Trịnh Xuân C, mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung là: 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)

* Giao anh Trịnh Xuân C được toàn quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: -

Quyền sử dụng thửa đất Thửa đất thừa đất số 841 tờ bản đồ số 21, diện tích 175 m² và căn nhà hai tầng trên đất tại xóm C xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 938 466 cấp ngày 28 tháng 4 năm 2010.

Anh Trịnh Xuân C có quyền liên hệ cơ quan nhà nước để làm lại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Anh Trịnh Xuân C có nghĩa vụ trích chia phần giá trị tài sản chênh lệch tương ứng với số tiền là 1.520.680.000 đồng (một tỉ năm trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị Thành V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thành V và anh Trịnh Xuân C mỗi người phải nộp: 57.620.400 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm đồng). Án phí Chị Nguyễn Thị Thành V được trừ với số tiền 10.250.000đ (Mười triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002332 ngày 08/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị Thành V còn phải nộp tiếp là 47.370.400 (bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Bắc Thành
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiền

